

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự toán và gói thầu

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

- Tên gói thầu: Trang cấp lễ phục cho cán bộ giai đoạn 2025-2027 tại Agribank Chi nhánh Thủ Đức.
- Tên dự toán: Trang cấp lễ phục cho cán bộ giai đoạn 2025-2027 tại Agribank Chi nhánh Thủ Đức.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức.
- Nguồn vốn: Từ hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Địa điểm bàn giao, nghiệm thu: Nhà thầu cung cấp toàn bộ hàng hóa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, Số 14 Đường 6, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện nghiệm thu.
- Thời gian cung cấp: 50 ngày (kể cả ngày nghỉ, lễ).
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thuế GTGT áp dụng cho việc chào thầu và ký kết hợp đồng: 8%.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a. Phạm vi công việc

Phạm vi công việc của nhà thầu chào hàng bao gồm (nhưng không hạn chế) các nội dung sau:

- Cung cấp, vận chuyển hàng hóa tới địa điểm cung cấp theo đúng vị trí và yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Bảo quản, nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.
- Bàn giao hàng hóa phải thỏa mãn các yêu cầu của E-HSMT. Chịu mọi chi phí nghiệm thu và vận chuyển hàng hóa.
- Bảo hành hàng hóa theo hợp đồng.

b. Các yêu cầu chung về hàng hóa cung cấp

- Yêu cầu về hàng hóa: Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Mẫu số 01A chương IV của E-HSMT.
- Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật trong E-HSMT: Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ giấy tờ về nguồn gốc xuất xứ, tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của hàng hóa và các tài liệu theo yêu cầu.

c. Nghiệm thu bàn giao

- Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng Tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết dưới đây để minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng, sử dụng “trung đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu. Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

2.1. Lễ phục nữ: áo dài truyền thống, có cổ

2.1.1 Vải áo dài: màu đỏ booc đô, dệt logo Agribank

TT	Quy cách sản phẩm		Thông số kỹ thuật
1	Định tính và định lượng nguyên liệu		Polyeste: 100%
2	Kiểu dệt		Dệt thoi
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	556,9 ± 2,0
		Ngang (N)	359,7 ± 2,0
4	Độ giãn đứt	Dọc (N)	40,2 ± 1,0
		Ngang (N)	47,4 ± 1,0
5	Mật độ vải	Dọc (Sợi /10cm)	995± 2,0
		Ngang (Sợi /10cm)	455 ± 2,0
6	Khối lượng thực tế (g/m ²)		121,2 ± 2,0
7	Thay đổi kích thước sau 3 chu kỳ giặt (%)	Dọc	≤ - 0,1
		Ngang	≤ - 0,2
8	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)		≥ 4
9	Độ lệch màu		≤ 1,05
10	Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)		Không phát hiện
11	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		Không phát hiện

2.1.2 Vải quần áo dài: màu vàng

TT	Quy cách sản phẩm	Thông số kỹ thuật
1	Định tính và định lượng nguyên liệu	Polyeste: 100%

2	Kiểu dệt		Vân đoạn biến đổi
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	1254,3 ± 2,0
		Ngang (N)	285,6 ± 2,0
4	Độ giãn đứt	Dọc (N)	35,8 ± 1,0
		Ngang (N)	42,2 ± 1,0
5	Mật độ vải	Dọc (Sợi /10cm)	1080 ± 2,0
		Ngang (Sợi /10cm)	384 ± 2,0
6	Khối lượng thực tế (g/m ²)		137,4 ± 2,0
7	Thay đổi kích thước sau 3 chu kỳ giặt (%)	Dọc	≤ -0,4
		Ngang	≤ -0,3
8	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)		≥ 4
9	Độ lệch màu		≤ 0,91
10	Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)		Không phát hiện
11	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		Không phát hiện

2.2 Lễ phục nam:

2.2.1 Vải áo sơ mi: màu trắng, dệt logo Agribank, cổ Đức

STT	Quy cách sản phẩm		Thông số kỹ thuật
1	Định tính và định lượng nguyên liệu		Polyester: 84,2% ± 1,0
			Rayon: 15,8% ± 1,0
2	Kiểu dệt		Dệt thoi
3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	923,9 ± 2,0
		Ngang (N)	229,4 ± 2,0
	Độ giãn đứt	Dọc	45% ± 1,0
		Ngang	12,7% ± 1,0
4	Mật độ vải	Dọc (Sợi /10cm)	790 ± 2,0
		Ngang (Sợi /10cm)	340 ± 2,0
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		135,5 ± 2,0
6	Thay đổi kích thước sau 3 chu kỳ giặt (%)	Dọc	≤ -0.6
		Ngang	≤ -0.2
7	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)		≥ 4
8	Độ lệch màu		≤ 0,15
9	Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg)		Không phát hiện
10	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		Không phát hiện


2.2.2 Vải vest, quần tây: màu xanh đen

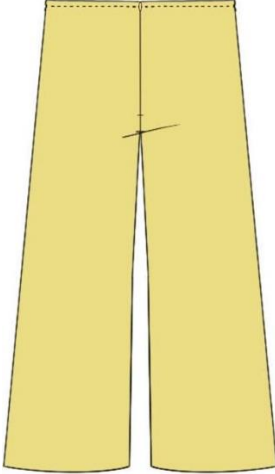


STT	Quy cách sản phẩm		Thông số kỹ thuật
1	Định tính và định lượng nguyên liệu		Polyester: 63,9% ± 1,0
			Rayon: 32,9% ± 1,0
			Spandex: 3,2% ± 1,0
2	Kiểu dệt		Vân chéo biến đổi

3	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	1357,6 ± 2,0
		Ngang (N)	693 ± 2,0
	Độ giãn đứt	Dọc	23,9% ± 1,0
		Ngang	48% ± 1,0
4	Mật độ vải	Dọc (Sợi /10cm)	515 ± 2,0
		Ngang (Sợi /10cm)	368 ± 2,0
5	Khối lượng thực tế (g/m ²)		242 ± 2,0
6	Thay đổi kích thước sau 3 chu kỳ giặt (%)	Dọc	≤ -0.7
		Ngang	≤ -0.6
7	Độ bền màu giặt: 40 độ C (cấp)		≥ 4
8	Độ lệch màu		≤ 0.15
9	Hàm lượng Formaldehyde (mg/kg)		Không phát hiện
10	Các amin thơm giải phóng từ chất màu azo (mg/kg)		Không phát hiện

- Nhà thầu đính kèm Hồ sơ thử nghiệm/kiểm định hoặc tài liệu tương tự phải được một cơ quan/đơn vị có đủ năng lực và có chức năng kiểm định chất lượng được cơ quan có thẩm quyền cấp phép như Viện nghiên cứu Dệt May, Quatest 3, Vinacontrol...trên đó có thể hiện rõ tên vải, Tên đơn vị cung cấp, chỉ tiêu kiểm tra, tiêu chuẩn áp dụng, kết quả thử nghiệm đối với hàng hoá nhà thầu chào để chứng minh tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật. Hồ sơ thử nghiệm/kiểm định hoặc tài liệu tương tự để chứng minh đáp ứng thông số kỹ thuật theo quy định của TCVN/ISO hoặc tiêu chuẩn ngành dệt may hiện hành.

2.3. Hình ảnh sản phẩm (tham khảo)

Stt	Danh mục hàng hóa	Hình ảnh sản phẩm (tham khảo)
1	Áo dài	<ul style="list-style-type: none"> - Áo dài truyền thống, có cổ - Vải áo dài: màu đỏ booc đô, dệt logo Agribank 

2	Quần áo dài	<p>- Màu vàng</p> 
3	Áo Sơ mi nam	<p>Vải áo sơ mi: màu trắng, dệt logo Agribank, cổ Đức</p> 
4	Vest, quần tây	<p>Vải vest, quần tây: màu xanh đen</p> 

*** Ghi chú:**

– Nhà thầu cung cấp hàng hóa phải có cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

– Kiểu dáng của hàng hóa cung cấp phải tương đương hình ảnh được đính kèm trong E-HSMT.

– Hàng hóa phải nêu rõ ký mã hiệu (phải có), nhãn mác sản phẩm (phải có), tên nhà sản xuất (phải có), nguồn gốc xuất xứ (phải có).

b. Xuất xứ: nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa.

c. Tiến độ cung cấp hàng hóa: 50 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

d. Địa điểm giao hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, Số 14 Đường 6, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các yêu cầu khác

3.1. Cách thức lấy số đo (trường hợp hàng hóa nhà thầu cung cấp không phù hợp với kích thước của cán bộ ngân hàng), chỉnh sửa trang phục:

- Việc may đo được thực hiện trực tiếp cho từng nhân viên (cho mặc thử bộ thử size và chỉnh sửa trực tiếp trên bộ size) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, Số 14 Đường 6, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc địa điểm khác do chủ đầu tư chỉ định tại TP. Hồ Chí Minh.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức tiếp nhận và cho Cán bộ nhân viên thử trang phục ngay khi nhận hàng. Trường hợp cần chỉnh sửa, đơn vị thống kê lại các nội dung cần chỉnh sửa và thông báo cho Nhà thầu. Nhà thầu có trách nhiệm chỉnh sửa, trả lại trang phục cho người sử dụng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận (có thể giao/nhận trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện). Toàn bộ chi phí phát sinh (nếu có) do Nhà thầu chịu.

3.2. Đóng gói và giao hàng hóa:

– Hàng hóa phải được đóng gói trong bao bì, bên ngoài có đính họ tên nhân viên, giới tính, bộ phận công tác.

– Số lượng hàng hóa của các nhân viên thuộc mỗi bộ phận sẽ được đóng theo thùng và ghi rõ từng bộ phận đó.

3.3. Yêu cầu cam kết:

– Hàng hóa cung cấp mới 100%, vải được sản xuất trong năm 2025.

– Cam kết cung cấp theo số lượng yêu cầu của Chủ đầu tư

– Hàng hóa phải đúng quy cách khi giao, không đứt nút, sút chỉ, không rách.

– Chất liệu hàng hóa phải ổn định về mặt kết cấu và màu sắc: không lem màu, không loàn màu khi được giặt tẩy với xà bông.

– Cam kết khắc phục sửa chữa khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà sản xuất trong quá trình sử dụng.

– Cam kết về đóng gói khi giao hàng hóa theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

– Cung cấp địa chỉ rõ ràng, có số điện thoại nóng để liên hệ.

– Có cam kết hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ sau bán hàng.

- Cam kết gửi hàng mẫu (tối thiểu mỗi loại 01 mẫu) trước khi thực hiện may/cung cấp đồng loạt.
- Cam kết hàng hóa cung cấp theo số đo, không cung cấp hàng theo size.
- Cam kết chỉnh sửa sản phẩm cung cấp cho gói thầu hoàn chỉnh, kích cỡ theo danh sách đã cung cấp; Sản phẩm được ủi và đóng gói thành phẩm, vệ sinh sạch sẽ, không chỉ thừa, không dấu phân; Màu sắc sản phẩm đồng bộ, đúng mẫu đã duyệt. Trường hợp đã chỉnh sửa lần 2 lần mà vẫn chưa đáp ứng được thì nhà thầu may lại sản phẩm mới cho chủ đầu tư và không phát sinh chi phí.

3.4. Yêu cầu về bảo hành:

- Trong thời gian bảo hành nếu sản phẩm sử dụng bị lỗi: phai màu, rách, sút chỉ.... do lỗi của nhà sản xuất thì nhà cung cấp phải may lại sản phẩm đó mà không tính thêm phí.
- Chất liệu vải, đường may, có sai sót về kỹ thuật may hoặc không phù hợp với số đo thực tế, sau khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, trong vòng 48 giờ, nhà cung cấp phải có mặt tại văn phòng chủ đầu tư để thực hiện việc bảo hành.
- Thời gian hoàn tất công tác bảo hành hàng hóa: Trong vòng 3 ngày (Bao gồm cả ngày lễ và ngày nghỉ) kể từ ngày nhận hàng hóa yêu cầu bảo hành.
- Sau khi hoàn tất việc bảo hành hàng hóa, nhà cung cấp phải chủ động gửi hàng trực tiếp về địa chỉ giao hàng của Chủ đầu tư.
- Phương thức bảo hành: Trong thời gian bảo hành, nếu có sự cố phải khắc phục trong vòng 48 giờ kể từ khi được yêu cầu của Chủ đầu tư. Nếu hết thời gian này mà Nhà thầu chưa tiến hành kế hoạch thực hiện công tác bảo hành các sai sót hoặc có tiến hành nhưng không đáp ứng theo yêu cầu thì Chủ đầu tư có quyền thuê nhà thầu khác thực hiện. Toàn bộ kinh phí thuê này do nhà thầu chi trả.

4. Kiểm tra và thử nghiệm

- Trước khi nhận hàng Chủ đầu tư có trách nhiệm Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi nghiệm thu. Trong trường hợp nghi vấn về chất lượng mà Chủ đầu tư không thể nhận hàng được thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và hai bên lập biên bản lấy mẫu (3 mẫu), có chữ ký đại diện của hai bên. Gói mẫu được mỗi bên lưu 01 gói, sau đó hai bên thỏa thuận đưa gói mẫu còn lại tới đơn vị hay tổ chức có chức năng thử nghiệm chuyên ngành theo pháp luật quy định để kiểm định. Căn cứ kết quả kiểm định xác định trách nhiệm vật chất cụ thể: nếu hàng đảm bảo chất lượng thì Chủ đầu tư chịu mọi chi phí phát sinh do yêu cầu kiểm định và chi phí lưu xe chờ kiểm định hàng hoá (chi phí lưu xe được 02 bên thống nhất trước khi đưa gói mẫu đi kiểm nghiệm), nếu hàng không đảm bảo chất lượng thì Nhà thầu phải chịu mọi chi phí phát sinh về kiểm định và phạt về vi phạm chất lượng theo qui định của pháp luật.
- Hai bên phải đảm bảo an toàn trong giao nhận hàng hoá. Nếu bên nào không đảm bảo an toàn trong giao nhận để xảy ra sự cố thì phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước cơ quan pháp luật và bồi thường thiệt hại gây ra.
- Hai bên tiến hành giao nhận số lượng theo thông báo đặt hàng của Chủ đầu tư.

- Lập biên bản nghiệm thu, có đầy đủ các chữ ký của các bên để làm cơ sở thanh toán.
- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.